

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Số vụ		
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6
Sở Y tế	2	2	2	2	2	2
TỔNG	2	2	0	0	0	0

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên,
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp
- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp
- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp
- Vụ việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7),(11),(16),(20),(25),(29)
- Đoàn đông người là đoàn có từ 5 người trở lên
- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần và
- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm
- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên
- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, Đ
Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025
(Kèm theo Báo cáo số: 2296/BC-TTrS ngày 16 tháng 6 năm 2025 c

Tiếp thường xuyên								
Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người				Th			
Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ
								Tiếp lần đầu
7	8	9	10	11	12	13	14	15
0	0	0	0	0	6	0	0	0
0	0	0	0	0	6	0	0	0

định kỳ và đột xuất của thủ trưởng

iếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)

o mục thủ trưởng tiếp
. cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10)
yên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11)

BIỂU SỐ: 01/TCD

y quyền tiếp				
ị việc	Trong đó đoàn đông người			
Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần
25	26	27	28	29
0	0	0	0	0
0	0	0	0	0

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Số đơn đã xử lý	Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý)	Đủ điều kiện
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn
MS	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6=8+9+10=11+12+13
Sở Y tế	5	0	5	4	1	5
Tổng		0	5	4	1	5

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn KN, TC, KNPA), bao gồm đơn nhận được q
- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (4): Số đơn đã hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (kết quả cuối cùng: thụ lý giải c
- Cột (5): Số đơn chưa hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) theo q
- Cột (6) = Cột (8) + (9) + (10) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (18)
- Cột (7) = Cột (8) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 04/XLD
- Từ Cột (8) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thống kê tại Cột (6))
- Cột (8): Số đơn khiếu nại đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (9) : Số đơn tố cáo đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (10): Số đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (11), (12), (13): Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết, khi tiếp nhận đơn thì vụ việc đã được
- Cột (12): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết KN l
- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước c
- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nh
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025
(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm 2025 của Sở

Số vụ việc	Phân loại theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết			Đơn thuộc t	
	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Chưa giải quyết	Đơn thuộc t	
				Lần đầu	Nhiều lần		Tổng số	Khiếu nại
7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15
5	1	0	4	4	0	1	1	1
5	1	0	4	4	0	1	1	1

qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển

quyết, lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (4) <= Cột (1)
quy định;

cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết lần đầu (cột 11), nhiều lần (12) hoặc chưa giải quyết :
lần 2, giải quyết TC tiếp khi đã có kết luận nội dung TC lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đ
lớn chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa h

ận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

Y tế tỉnh Kon Tum)

Kết quả xử lý đơn						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
Thẩm quyền		Đơn không thuộc thẩm quyền				
Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
16	17	18	19	20	21	22
0		4	0	4	0	2
0	0	4	0	4	0	2

yên, ...)

xong (13)
ơn KNPA)
oàn thành việc giải quyết

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý		
	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6
Sở Y tế	0	0	1	1	0	1
Tổng	0	0	1	1	0	0

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các ng
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = (2) + (3)
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng)
- Cột (7) = Cột (8) ở Biểu số 01/XLD
- Cột (8): Số vụ việc đủ điều kiện xử lý = (9) + (13) + (14) + (15) = (16) + (17) + (18) + (19) = (20
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thống kê tại
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu h
- Cột (13) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (14) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể...
- Cột (16): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (17): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Số vụ việc khiếu nại công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải q
- Cột (20) = (21) + (22)
- Cột (21): Số vụ việc khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (22): Số vụ việc khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (23) = (24) + (25)
- Cột (26): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa r
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm 2025 của S

Đủ điều kiện xử lý		Phân loại theo nội dung						
Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác
		Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác			
7	8	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15
1	1	1	0	0	0	0	0	1
1	1	1	0	0	0	0	0	1

guồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)

theo quy định, nêu tại các cột từ (20)-(25)

) + (23)

i Cột (8))

. có công,...

ồi, đòi đất, nhà,...

uyệt, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)

nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

ở Y tế tỉnh Kon Tum)

Phân loại vụ việc theo tình trạng giải				Kết quả xử lý				
Đã giải quyết			Chưa giải quyết xong	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền	
Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của Tòa		Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn
16	17	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24
	0	0	1	1	1	0	0	0
0	0	0	1	1	1	0	0	0

Biểu số: 02/XLD

	Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
Độc thẩm	
Đôn đốc giải quyết	
25	26
0	
0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025
(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm 2025 của Sở

Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc tố cáo theo nội dung						
Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực tư pháp
		Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Lĩnh vực khác		
7	8=9+14+15+16+17=18+19+20=21+24	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14	15
	0	0						
0	0	0	0	0	0	0	0	0

và nhận từ các nguồn khác

o quy định, nêu tại các cột từ (21)-(26)

t (8))
có công,...
n, đòi đất, nhà,...

, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)

nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền

ở Y tế tỉnh Kon Tum)

		Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			
Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Tố cáo tiếp		Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc kh
		Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết		Tổng	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng
16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26
					0			0
0	0	0	0		0	0	0	0

Biểu số: 03/XLD

Công thuộc thẩm quyền		Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
25	26	27
0	0	0

TỔNG HỢP

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý		
	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6
Sở Y tế	4	0	4	0	0	4
Tổng	4	0	4	0	0	4

Ghi chú: 01 rút đơn

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các n
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay kh
- Cột (7) = Cột (13) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = Cột (9) + (10) + (11) + (12) = Cột (13) + (14) = Cột (15) + (18)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tạ
- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận,
- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưn
- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ qua
- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn độc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa
- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết vì
- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025
(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm 2025 của S

Đơn đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết		
Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền
7	8=9+10+11+12= 13+14 =15+16	9	10	11	12	13	14	15
4	4	1	0	0	3	3	1	0
4	4	1	0	0	3	3	1	0

guồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)

ông đủ điều kiện xử lý)

ii Cột (8))
trả lời người KN, PA
g chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA

n có thẩm quyền giải quyết
i nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
à có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo
t hoặc chưa được giải quyết

Biểu số: 04/XLD

Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Kết quả xử lý			Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền	
Vụ việc không thuộc thẩm			Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết
Tổng	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
16=17+18	17	18	19	20
4	4	0	0	0
4	4	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ

(Kèm theo)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền				
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN	
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m2)
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+.. +24	6	7	8
Sở Y tế	1		1	1	0			
Tổng	1	0	1	1	0	0	0	0

Ghi chú: đang giải quyết

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (15) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (20) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (5) = Cột (20) + (21) + (22) + (23) + (24)
- Cột (6): Chỉ thống kê các vụ việc rút toàn bộ nội dung; trường hợp không rút toàn bộ thì không thống kê
- Từ Cột (7) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại (thể hiện ở các cột tiếp theo)
- Cột (15): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và vi phạm pháp luật
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và vi phạm pháp luật
- Cột (19): Thống kê số vụ việc bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và vi phạm pháp luật
- Cột (18): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và vi phạm pháp luật
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và vi phạm pháp luật
- Cột (25): Thống kê số vụ việc chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại
- Cột (26): Thống kê số vụ việc chấp hành không đúng quy định về thời gian giải quyết khiếu nại
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

UẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025
20 Báo cáo số: ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính:

Kết quả giải quyết											Phân tích l		
Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu		
Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần
Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)										
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
						1							
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0

ổng kê vào cột này
ổng kê tại Cột (5), (6))
giải quyết khiếu nại
quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
n quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)

Tiền (triệu đồng), đất (m²)

kết quả giải quyết			
Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
23	24	25	26
0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT C

Đơn vị	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước			
			Phải thu		Đã thu	
			Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)
MS	1	2	3	4	5	6
Sở Y tế						
Tổng	0	0	0	0	0	0

- Ghi chú:**
Hướng dẫn cách ghi biểu
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
 - Cột (1): Số quyết định giải quyết khiếu nại phải thực hiện trong kỳ, bao gồm số quyết định chưa t
 - Cột (2) Số quyết định giải quyết khiếu nại đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
 - Cột (15): Thống kê số người đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyế
 - Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến
 - Cột (18): Thống kê số người đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nạ
 - Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nạ
 - Nội dung ghi chú viết vào dòng 20 (nếu có)

QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/6/2025
(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm 2025 của Sở

Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý h
Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý
Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân		
Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	
7	8	9	10	11	12	13	14	15
0	0	0	0	0	0	0	0	0

hực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số quyết định ban hành trong kỳ báo cáo ph

- t khiếu nại
- n khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- ii
- ii và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)

Biểu số: 02/KQGQ

ở Y tế tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

ảnh chính	Đã khởi tố		
Trong đó cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
16	17	18	19
0	0	0	0

ải thực hiện

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			
						Tổng số
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10 =30+31>=24+26+28
Sở Y tế	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (20) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (26) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (5): Số vụ việc tố cáo tiếp thuộc thẩm quyền, số liệu nằm trong số liệu vụ việc tố cáo thuộc t
- Cột (6)= (7) + (8) + (9) + (10)= (30) + (31) >= Cột (24) + (26) + (28)
- Cột (8): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp đã được giải quyết = Cột (25) + (27) + (29)
- Từ Cột (11) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc tố cáo đã t
- Cột (19): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý
- Cột (20): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận r
- Cột (22): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận
- Cột (23): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục
- Cột (25): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp đúng, số liệu nằm trong số liệu
- Cột (27): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp sai, số liệu nằm trong số liệu tở
- Cột (29): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp có đúng, có sai, số liệu nằm troi
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 32 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO
Số liệu tính từ ngày 15/12/2024 đến n
(Kèm theo Báo cáo số: 3741, ngày 17 tháng 9 năm 202

Kết quả giải quyết								
Đã giải quyết				Kiến nghị thu hồi		Trả lại cho tổ chức, cá nhân		
Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tổ cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tổ cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tổ cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tổ chức		Cá nhân
						Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)
7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15
0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0

hầm quyền thống kê tại Cột (4)

hống kê ở Cột (6)

ị tổ cáo

nội dung tổ cáo và xử lý tổ cáo (<= Cột 19)

ị nội dung tổ cáo và xử lý tổ cáo

: xử lý theo kết luận nội dung tổ cáo và xử lý tổ cáo (<= Cột 22)

tổng hợp tại Cột (24)

ng hợp tại Cột (26)

ng số liệu tổng hợp tại Cột (28)

Biểu số: 03/KQGQ

Phân tích kết quả giải quyết vụ việc					Chấp hành thời hạn giải quyết	
Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
25	26	27	28	29	30	31
0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước			
			Phải thu		Đã thu	
			Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)
MS	1	2	3	4	5	6
UBND tỉnh (Ban TCD tỉnh)						
Các Sở, ban, ngành						
UBND các huyện, thành phố						
UBND các xã, phường, thị trấn						
Tổng	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo phải thực hiện trong kỳ (bao gồm số kết luận, :)
- Cột (2) Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (19): Thống kê số tổ chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (21): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung
- Cột (23): Thống kê số đối tượng đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung
- Cột (24): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý th
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 25 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỔ CÁO
Số liệu tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024
(Kèm theo Báo cáo số: 3741, ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Trả lại cho tổ chức, cá nhân								
Phải trả						Đã		
Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổ c
		Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)			Tiền (Trđ)
7	8	9	10	11	12	13	14	15
0	0	0	0	0	0	0	0	0

xử lý tố cáo chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số kết luận xử lý tố cáo ba

tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 20)
g tố cáo và xử lý tố cáo
eo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 23)

			Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
trả			Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
chức	Cá nhân							
Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)						
16	17	18	19	20	21	22	23	24
0	0	0	0	0	0	0	0	0

n hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện)

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ T

Số liệu tính từ

(Kèm theo Báo cáo số: 3741, n

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC		
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện về TCD,
						Số cuộc
MS	1	2	3	4	5	6
Sở Y tế						
Tổng số	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Biểu này phục vụ xây dựng Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (V
- Cột (6): Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC thực hiện trong kỳ báo
- Cột (7): Tổng số đơn vị được thanh tra trách nhiệm (theo quyết định của các cuộc thanh tra thống kê tại
- Cột (8): Tổng số kết luận thanh tra ban hành trong kỳ báo cáo; Cột (8) <= Cột (6)
- Từ Cột (9) đến Cột (13) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (12))
- Cột (13): Tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm phải thực hiện trong kỳ, gồm kết luận ban hành từ các l
- Từ Cột (14) đến Cột (17) là số liệu tổng hợp từ kết quả thực hiện các kết luận thanh tra thống kê tại Cột
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 18 (nếu có)

NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024

ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Thanh tra trách nhiệm						Kết quả thực hiện kết luận, quyết định, xử lý khiếu nại, tố cáo, trách nhiệm		
pháp luật KN, TC	Số cuộc đã ban hành kết luận	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT thực hiện	Đã xử lý hành chính	
Số đơn vị		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ chức	Cá nhân
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân			
7	8	9	10	11	12	13	14	15
0	0	0	0	0	0	0	0	0

7D: Báo cáo hằng năm phục vụ Quốc hội về công tác giải quyết KNTC...)
o cáo, gồm các cuộc triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận và các cuộc triển khai trong kỳ
Cột (6))

cý trước chưa thực hiện xong và kết luận ban hành trong kỳ báo cáo phải thực
(13))

ết định xử lý về thanh m	
Đã khởi tố	
Tổ chức	Cá nhân
16	17
0	0